

# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SUN - VÌ NHÀ MÌNH - Kế hoạch Ưu tiên Tích lũy



*Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam  
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư*

Bên mua bảo hiểm: UL25 PRODUCT  
Người được bảo hiểm: UL25 PRODUCT

*Giải pháp bảo hiểm toàn diện đồng hành cùng Khách hàng trong cuộc sống.*

## BẢO VỆ TRỌN ĐỜI

- An tâm bảo vệ đến 100 tuổi
- Đảm bảo chi trả lên tới 1.000.000.000 đồng khi NĐBH gặp rủi ro

## TÍCH LŨY BỀN VỮNG VÀ LÂU DÀI

- Khuyến khích đóng phí đúng hạn với tổng khoản thưởng lên đến 100 triệu đồng
- Lãi suất cam kết đảm bảo thực hiện hóa các kế hoạch tương lai

## LÁ CHẮN BẢO VỆ ĐA THỂ HỆ

- Mức bảo vệ điều chỉnh linh hoạt theo nhu cầu thay đổi ở từng giai đoạn trong cuộc sống
- Tất cả thành viên trong gia đình được bảo vệ trong cùng 1 hợp đồng bảo hiểm

## THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Ngày lập: 27/06/2025

### Tư vấn tài chính

Họ và tên người lập: NGUYỄN VĂN A

Chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của TVTC: CCDL

Lưu ý: Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo thông tin sản phẩm, tự thiết lập, đánh giá hợp đồng bảo hiểm SUN - Vì Nhà Mình dự kiến tham gia tại <https://sunlife.co/sun-ez>.

Mã số: [REDACTED]

Điện thoại: [REDACTED]

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM (SUN LIFE VIỆT NAM)

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm Nhân thọ

Trụ sở: Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank, 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84-28) 629.85.888/Fax: (84-28) 629.85.999/Website: [www.sunlife.com.vn](http://www.sunlife.com.vn)/Email: [dichvu.khachhang@sunlife.com](mailto:dichvu.khachhang@sunlife.com)/Hotline: 1800 1786

Giấy phép thành lập số 68GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24/01/2013 (đã được sửa đổi bổ sung); Vốn điều lệ 18.434 tỷ đồng

Mạng lưới Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: <https://www.sunlife.com.vn/vn/ve-chung-toi/lien-he/mang-luoi-trung-tam-dich-vu-khach-hang/>

## THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TỔ CHỨC

Tên đại lý bảo hiểm tổ chức: [REDACTED]

Địa chỉ đại lý bảo hiểm tổ chức: [REDACTED]

Nội dung được ủy quyền theo hợp đồng đại lý: Giới thiệu sản phẩm bảo hiểm.

### **Nhân viên đại lý bảo hiểm thuộc tổ chức (Người giới thiệu)**

Họ và tên của nhân viên đại lý bảo hiểm tổ chức: [REDACTED]

Mã số: [REDACTED]

Chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của nhân viên đại lý bảo hiểm tổ chức: [REDACTED]

## THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

Bên mua bảo hiểm: UL25 PRODUCT

Tuổi: 35

Giới tính: Nam

Nghề nghiệp: NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG

Đơn vị tính: Đồng

Người được bảo hiểm (NDBH)	Ngày sinh	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (Năm) (*)	Phí bảo hiểm năm
UL25 PRODUCT	01/01/1990	35 - Nam	1	SUN - Vì Nhà Minh - Kế hoạch Ưu tiên Tích lũy	1.000.000.000	65	20.000.000

	<input type="radio"/> Quý	<input type="radio"/> Nửa năm	<input checked="" type="radio"/> Năm
Phí bảo hiểm cơ bản (1)	5.000.000	10.000.000	20.000.000
Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bán kèm (2)	-	-	-
Phí bảo hiểm định kỳ (3) = (1) + (2)	5.000.000	10.000.000	20.000.000
Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến (4)	-	-	-
Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến = (3) + (4)	5.000.000	10.000.000	20.000.000

### Ghi chú:

(\*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm.

Đối với sản phẩm SUN - Vì Nhà Minh, Thời hạn đóng phí bắt buộc là 4 Năm hợp đồng đầu tiên. **Thời hạn đóng phí dự kiến trên bảng minh họa này là 20 năm.** Từ Năm hợp đồng thứ 5, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí linh hoạt (có thể khác với thời hạn đóng phí dự kiến này), tùy theo tình hình tài chính, nhu cầu tích lũy và bảo vệ của mình. Trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu được minh họa ở thời hạn đóng phí dự kiến khác với Bảng minh họa này, vui lòng yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa mới với (các) thời hạn đóng phí dự kiến khác. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng (đặc biệt khi Bên mua bảo hiểm tham gia nhiều sản phẩm bán kèm và đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bán kèm; hoặc Người được bảo hiểm có mức Phí bảo hiểm rủi ro cao ở các độ tuổi lớn; hoặc Bên mua bảo hiểm thực hiện rút tiền từ Giá trị tài khoản). Ngoài ra, các Khoản thưởng giúp gia tăng Giá trị tài khoản sẽ được đảm bảo khi Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm thỏa điều kiện nhận thưởng theo quy định.

## TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
<b>Người được bảo hiểm: UL25 PRODUCT</b>			
SUN - Vì Nhà Mình	TTTBVV do Ung thư tuyến giáp chưa di căn	100.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp chưa di căn xa chỉ áp dụng nếu NĐBH bị TTTBVV do Ung thư tuyến giáp chưa di căn xa trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước ngày sinh nhật lần thứ 75 của NĐBH.</li><li>- Quyền lợi này sẽ được chi trả 1 lần duy nhất trong suốt thời hạn Hợp đồng bảo hiểm.</li><li>- Sau khi quyền lợi này được chi trả:<ul style="list-style-type: none"><li>• Hợp đồng bảo hiểm sẽ vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.</li><li>• Số tiền này sẽ được khấu trừ khi chi trả các quyền lợi khác (nếu có) nếu Ung thư tuyến giáp chưa di căn là nguyên nhân trực tiếp dẫn các sự kiện bảo hiểm khác.</li></ul></li></ul>

## TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
<b>Người được bảo hiểm: UL25 PRODUCT</b>			
<b>SUN - Vì Nhà Mình</b>	TTTBVV do Ung thư tuyến giáp có di căn xa hoặc TTTBVV do các nguyên nhân khác Ung thư tuyến giáp chưa di căn xa	Giá trị lớn hơn giữa 1.000.000.000 và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng Giá trị tài khoản gia tăng, trừ đi Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp chưa di căn xa đã được chi trả (nếu có và sự kiện bảo hiểm xảy ra có nguyên nhân trực tiếp từ Ung thư tuyến giáp chưa di căn xa)	Quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp này chỉ áp dụng nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước ngày sinh nhật lần thứ 75 của NĐBH. HĐBH sẽ chấm dứt hiệu lực tại ngày NĐBH được chẩn đoán TTTBVV do Ung thư tuyến giáp đã có di căn xa hoặc TTTBVV do các nguyên nhân khác nếu quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp này được chấp thuận chi trả.
	Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa 1.000.000.000 và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng Giá trị tài khoản gia tăng, trừ đi Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp chưa di căn xa đã được chi trả (nếu có và Ung thư tuyến giáp chưa di căn xa là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tử vong)	Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực khi NĐBH tử vong.
	Quyền lợi tự động tăng STBH tại năm Hợp đồng thứ 10 và năm Hợp đồng thứ 20	Số tiền bảo hiểm tự động tăng thêm 250.000.000 đồng/lần.	Quyền lợi này được Bên mua bảo hiểm lựa chọn tại thời điểm nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

## TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

*Lưu ý:*

- Sun Life Việt Nam sẽ không chi trả Quyền lợi bảo hiểm cho các trường hợp loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bán kèm (nếu có).
- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bán kèm (nếu có). Việc kê khai thông tin không đúng hoặc không đầy đủ sẽ dẫn đến rủi ro không được Sun Life Việt Nam chi trả Quyền lợi bảo hiểm.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bán kèm (nếu có) và được đăng tải tại [www.sunlife.com.vn](http://www.sunlife.com.vn).

## MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH

### TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5,39%/năm <sup>(6)</sup>						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm <sup>(1)</sup>	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bán kèm hàng năm		Các khoản thưởng <sup>(2)</sup>	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản <sup>(3)</sup>	Giá trị hoàn lại <sup>(4)</sup>	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền <sup>(5)</sup>
1/35	20.000	20.000	0	-	10.000	-	8.212	-	8.212	-	1.000.000	-
2/36	20.000	20.000	0	-	14.000	-	20.958	-	20.958	958	1.000.000	-
3/37	20.000	20.000	0	-	16.000	-	36.365	-	36.365	27.365	1.000.000	-
4/38	20.000	20.000	0	-	16.000	-	52.463	-	52.463	46.463	1.000.000	-
5/39	20.000	20.000	0(**)	-	16.000	-	69.278	-	69.278	65.278	1.000.000	-
6/40	20.000	20.000	0	-	19.600	-	90.631	-	90.631	90.631	1.000.000	-
7/41	20.000	20.000	0	-	19.600	-	112.966	-	112.966	112.966	1.000.000	-
8/42	20.000	20.000	0	-	19.600	16.324	136.339	16.324	152.664	152.664	1.016.324	-
9/43	20.000	20.000	0	-	19.600	-	160.805	17.204	178.010	178.010	1.017.204	-
10/44	20.000	20.000	0(**)	-	19.600	4.050	185.621	22.181	207.803	207.803	1.272.181	-
11/45	20.000	20.000	0	-	20.000	-	211.901	23.377	235.278	235.278	1.273.377	-
12/46	20.000	20.000	0	-	20.000	-	239.379	24.637	264.016	264.016	1.274.637	-
13/47	20.000	20.000	0	-	20.000	-	268.121	25.965	294.086	294.086	1.275.965	-
14/48	20.000	20.000	0	-	20.000	-	298.201	27.364	325.565	325.565	1.277.364	-
15/49	20.000	20.000	0(**)	-	20.000	67.262	329.681	96.101	425.782	425.782	1.346.101	-
16/50	20.000	20.000	0	-	20.000	-	362.633	101.281	463.914	463.914	1.351.281	-
17/51	20.000	20.000	0	-	20.000	-	397.104	106.740	503.844	503.844	1.356.740	-
18/52	20.000	20.000	0	-	20.000	-	433.178	112.493	545.671	545.671	1.362.493	-
19/53	20.000	20.000	0	-	20.000	-	470.929	118.557	589.486	589.486	1.368.557	-
20/54	20.000	20.000	0(**)	-	20.000	12.760	508.574	137.707	646.280	646.280	1.637.707	-
<b>Tổng</b>	<b>400.000</b>	<b>400.000</b>	-	-	<b>370.000</b>							

## MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo <sup>(7)</sup>						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm <sup>(1)</sup>	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bán kèm hàng năm		Các khoản thưởng <sup>(2)</sup>	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản <sup>(3)</sup>	Giá trị hoàn lại <sup>(4)</sup>	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền <sup>(5)</sup>
1/35	20.000	20.000	-	-	10.000	-	8.045	-	8.045	-	1.000.000	-
2/36	20.000	20.000	-	-	14.000	-	20.286	-	20.286	286	1.000.000	-
3/37	20.000	20.000	-	-	16.000	-	34.819	-	34.819	25.819	1.000.000	-
4/38	20.000	20.000	-	-	16.000	-	49.401	-	49.401	43.401	1.000.000	-
5/39	20.000	20.000	-	-	16.000	-	64.195	-	64.195	60.195	1.000.000	-
6/40	20.000	20.000	-	-	19.600	-	82.470	-	82.470	82.470	1.000.000	-
7/41	20.000	20.000	-	-	19.600	-	100.934	-	100.934	100.934	1.000.000	-
8/42	20.000	20.000	-	-	19.600	15.126	119.589	15.126	134.715	134.715	1.015.126	-
9/43	20.000	20.000	-	-	19.600	-	138.434	15.428	153.862	153.862	1.015.428	-
10/44	20.000	20.000	-	-	19.600	3.598	156.675	19.335	176.010	176.010	1.269.335	-
11/45	20.000	20.000	-	-	20.000	-	174.495	19.625	194.120	194.120	1.269.625	-
12/46	20.000	20.000	-	-	20.000	-	192.319	19.919	212.239	212.239	1.269.919	-
13/47	20.000	20.000	-	-	20.000	-	210.139	20.218	230.358	230.358	1.270.218	-
14/48	20.000	20.000	-	-	20.000	-	227.946	20.521	248.468	248.468	1.270.521	-
15/49	20.000	20.000	-	-	20.000	54.539	245.711	75.369	321.080	321.080	1.325.369	-
16/50	20.000	20.000	-	-	20.000	-	262.093	76.122	338.215	338.215	1.326.122	-
17/51	20.000	20.000	-	-	20.000	-	278.233	76.884	355.116	355.116	1.326.884	-
18/52	20.000	20.000	-	-	20.000	-	294.096	77.652	371.748	371.748	1.327.652	-
19/53	20.000	20.000	-	-	20.000	-	309.619	78.429	388.048	388.048	1.328.429	-
20/54	20.000	20.000	-	-	20.000	8.858	322.910	88.071	410.981	410.981	1.588.071	-
21/55	-	-	-	-	-	-	313.413	88.511	401.924	401.924	1.588.511	-
26/60	-	-	-	-	-	-	247.213	90.746	337.960	337.960	1.590.746	-
31/65	-	-	-	-	-	-	131.747	93.038	224.785	224.785	1.593.038	-

**MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH**  
**TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo <sup>(7)</sup>						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm <sup>(1)</sup>	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bán kèm hàng năm		Các khoản thưởng <sup>(2)</sup>	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản <sup>(3)</sup>	Giá trị hoàn lại <sup>(4)</sup>	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền <sup>(5)</sup>
36/70	-	-	-	-	-	-	-	20.955	20.955	20.955	1.520.955	-
37/71	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>400.000</b>	<b>400.000</b>	-	-	<b>370.000</b>							

## MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5,39%/năm <sup>(6)</sup>						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm <sup>(1)</sup>	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bán kèm hàng năm		Các khoản thưởng <sup>(2)</sup>	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản <sup>(3)</sup>	Giá trị hoàn lại <sup>(4)</sup>	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền <sup>(5)</sup>
1/35	20.000	20.000	-	-	10.000	-	8.212	-	8.212	-	1.000.000	-
2/36	20.000	20.000	-	-	14.000	-	20.958	-	20.958	958	1.000.000	-
3/37	20.000	20.000	-	-	16.000	-	36.365	-	36.365	27.365	1.000.000	-
4/38	20.000	20.000	-	-	16.000	-	52.463	-	52.463	46.463	1.000.000	-
5/39	-	-	-	-	-	-	52.377	-	52.377	48.377	1.000.000	-
6/40	-	-	-	-	-	-	52.065	-	52.065	52.065	1.000.000	-
7/41	-	-	-	-	-	-	51.497	-	51.497	51.497	1.000.000	-
8/42	-	-	-	-	-	-	50.646	-	50.646	50.646	1.000.000	-
9/43	-	-	-	-	-	-	49.478	-	49.478	49.478	1.000.000	-
10/44	-	-	-	-	-	-	47.153	-	47.153	47.153	1.250.000	-
11/45	-	-	-	-	-	-	44.258	-	44.258	44.258	1.250.000	-
12/46	-	-	-	-	-	-	40.809	-	40.809	40.809	1.250.000	-
13/47	-	-	-	-	-	-	36.747	-	36.747	36.747	1.250.000	-
14/48	-	-	-	-	-	-	32.009	-	32.009	32.009	1.250.000	-
15/49	-	-	-	-	-	-	26.501	-	26.501	26.501	1.250.000	-
16/50	-	-	-	-	-	-	20.121	-	20.121	20.121	1.250.000	-
17/51	-	-	-	-	-	-	12.711	-	12.711	12.711	1.250.000	-
18/52	-	-	-	-	-	-	4.137	-	4.137	4.137	1.250.000	-
19/53	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	-	-	<b>56.000</b>							

## MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo <sup>(7)</sup>						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm <sup>(1)</sup>	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bán kèm hàng năm		Các khoản thưởng <sup>(2)</sup>	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản <sup>(3)</sup>	Giá trị hoàn lại <sup>(4)</sup>	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền <sup>(5)</sup>
1/35	20.000	20.000	-	-	10.000	-	8.045	-	8.045	-	1.000.000	-
2/36	20.000	20.000	-	-	14.000	-	20.286	-	20.286	286	1.000.000	-
3/37	20.000	20.000	-	-	16.000	-	34.819	-	34.819	25.819	1.000.000	-
4/38	20.000	20.000	-	-	16.000	-	49.401	-	49.401	43.401	1.000.000	-
5/39	-	-	-	-	-	-	47.757	-	47.757	43.757	1.000.000	-
6/40	-	-	-	-	-	-	45.619	-	45.619	45.619	1.000.000	-
7/41	-	-	-	-	-	-	43.195	-	43.195	43.195	1.000.000	-
8/42	-	-	-	-	-	-	40.469	-	40.469	40.469	1.000.000	-
9/43	-	-	-	-	-	-	37.413	-	37.413	37.413	1.000.000	-
10/44	-	-	-	-	-	-	33.212	-	33.212	33.212	1.250.000	-
11/45	-	-	-	-	-	-	28.326	-	28.326	28.326	1.250.000	-
12/46	-	-	-	-	-	-	22.965	-	22.965	22.965	1.250.000	-
13/47	-	-	-	-	-	-	17.092	-	17.092	17.092	1.250.000	-
14/48	-	-	-	-	-	-	10.667	-	10.667	10.667	1.250.000	-
15/49	-	-	-	-	-	-	3.625	-	3.625	3.625	1.250.000	-
16/50	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	-	-	<b>56.000</b>							

## MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

### Ghi chú:

- (1) Bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bán kèm (nếu có).
- (2) Bao gồm Thương duy trì hợp đồng và Thương đóng phí đúng hạn:

**Thương duy trì hợp đồng** là khoản thưởng được Công ty chi trả theo bảng dưới đây:

Ngày kỷ niệm năm hợp đồng	% Giá trị tài khoản cơ bản trung bình tính tại mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của 60 tháng liền trước sẽ được tích lũy vào Giá trị tài khoản gia tăng	Thời gian xét thưởng
Lần thứ 10	3%	60 tháng liền trước
Lần thứ 15	3%	60 tháng liền trước
Lần thứ 20	3%	60 tháng liền trước

Điều kiện trong thời gian xét thưởng:

- Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực tính tới thời điểm xét thưởng;
- Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm được đóng đầy đủ và đúng hạn (bao gồm đóng phí trong thời gian gia hạn đóng phí);
- Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.

**Thương đóng phí đúng hạn** là khoản thưởng được Công ty chi trả theo bảng dưới đây:

Ngày kỷ niệm năm hợp đồng	% Giá trị tài khoản cơ bản trung bình tính tại mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng trong thời gian xét thưởng sẽ được tích lũy vào Giá trị tài khoản gia tăng	Thời gian xét thưởng
Lần thứ 8	25%	8 Năm hợp đồng đầu tiên
Lần thứ 15	25%	Năm hợp đồng thứ 9 tới Năm hợp đồng thứ 15

Điều kiện trong thời gian xét thưởng:

- Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực trong suốt mỗi thời gian xét thưởng;
- Phí bảo hiểm cơ bản đã được đóng đầy đủ và trễ nhất vào mỗi Ngày đến hạn đóng phí (không bao gồm đóng phí trong thời gian gia hạn);
- Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.

(3) Giá trị tài khoản là tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản gia tăng, sau khi đã khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, phí bảo hiểm theo định kỳ tháng của (các) sản phẩm bán kèm (nếu có, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bán kèm), các khoản rút tiền và phí rút tiền (nếu có).

## MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

(4) Giá trị hoàn lại được xác định tại cuối mỗi Năm hợp đồng và là số tiền mà Bên mua bảo hiểm nhận được nếu hủy hợp đồng trước hạn sau Thời gian cân nhắc hoặc tại Ngày đáo hạn hợp đồng.

(5) Việc rút tiền sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản gia tăng trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.

(6) Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Vui lòng tham khảo lãi suất công bố thực tế tại <https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/thong-tin-lai-suat/> và báo cáo tình hình hoạt động của quỹ liên kết chung tại <https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/bao-cao-quy/>. Lưu ý lãi suất công bố thực tế trong quá khứ chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo về lãi suất công bố trong tương lai.

(7) Lãi suất đảm bảo được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2 - 3	4 - 5	6 - 10	11 - 15	16 - 20	21+
Lãi suất đảm bảo hàng năm	3,5%	3%	2,5%	2%	1,5%	1%	0,5%

(\*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bán kèm (nếu có, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bán kèm) hàng tháng. Sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực sẽ không được chi trả. Quý khách có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ minh họa quyền lợi tích lũy trong 20 năm đối với mức lãi suất minh họa 5,39%/năm. Trong các năm tiếp theo, Giá trị tài khoản vẫn tiếp tục được hưởng lãi theo lãi suất do Sun Life Việt Nam công bố tại từng thời điểm, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

## THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

### 1. Thông tin về Quỹ liên kết chung

- Quỹ Liên kết chung được hình thành từ phí bảo hiểm (sau khi trừ Phí ban đầu, Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng) của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi Quỹ chủ sở hữu và các Quỹ chủ hợp đồng khác của Công ty. Công ty có quyền quyết định chính sách đầu tư và phương thức quản lý quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Chiến lược của Công ty là đầu tư vào những tài sản mang lại nguồn thu nhập ổn định, có tính an toàn cao như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính cho thu nhập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức tài chính cũng như các tổ chức kinh tế hoạt động tại Việt Nam phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Vui lòng tham khảo Thông tin về Quỹ liên kết chung tại Điều 23 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm SUN - Vì Nhà Minh

### 2. Lãi suất công bố và Phí quản lý quỹ của Quỹ liên kết chung

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Lãi suất công bố (%/năm)	5,96%	5,20%	4,74%	5,81%	5,23%
Phí quản lý quỹ (%/năm)	1,78%	1,85%	1,78%	1,97%	1,42%

Ghi chú: Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố lãi suất tích lũy.

## TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

### 1. Phí ban đầu

Khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào Giá trị tài khoản. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ sau:

Năm hợp đồng	1	2	3-5	6-10	11+
Phí bảo hiểm cơ bản	50%	30%	20%	2%	0%

### 2. Phí bảo hiểm rủi ro

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo vệ của Hợp đồng bảo hiểm. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro được xác định theo Số tiền bảo hiểm rủi ro, tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm và sẽ tăng theo tuổi của Người được bảo hiểm tại mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng.

### 3. Phí quản lý hợp đồng

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng bằng 44.000 đồng/tháng trong năm 2025 và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng/tháng.

### 4. Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ được tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết chung, không vượt quá 2%/năm, và được khấu trừ trước khi Công ty công bố lãi suất tích lũy.

### 5. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi hủy hợp đồng sau Thời gian cân nhắc. Phí hủy hợp đồng được tính bằng tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản theo quy năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng và theo tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	1 - 2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm tại ngày phát hành hợp đồng	100%	45%	30%	20%	0%

*Lưu ý: Trường hợp các khoản phí trên có sự thay đổi, Sun Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.*

## MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ

### TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại lãi suất 5,39%
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hằng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (***)	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	538	1.724
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	562	1.820
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	586	1.927
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	610	2.037
5/39	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	634	2.160
6/40	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	658	2.294
7/41	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	682	2.435
8/42	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	706	2.571
9/43	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	720	2.719
10/44	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	720	3.662
11/45	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	3.948
12/46	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.161
13/47	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.371
14/48	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.576
15/49	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.791
16/50	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.009
17/51	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.260
18/52	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.507
19/53	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.766
20/54	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.852

## MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hằng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (***)	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	538	1.724
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	562	1.821
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	586	1.929
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	610	2.042
5/39	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	634	2.170
6/40	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	658	2.310
7/41	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	682	2.462
8/42	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	706	2.613
9/43	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	720	2.782
10/44	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	720	3.751
11/45	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.072
12/46	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.332
13/47	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.602
14/48	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.880
15/49	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.186
16/50	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.522
17/51	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.925
18/52	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.361
19/53	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.857
20/54	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	9.232
21/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	10.362
26/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	16.720
31/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	28.811

## MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hằng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (***)	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
36/70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	49.650

## MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại lãi suất 5,39%
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hằng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (***)	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	538	1.724
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	562	1.820
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	586	1.927
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	610	2.037
5/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	634	2.198
6/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	658	2.388
7/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	682	2.598
8/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	706	2.818
9/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.068
10/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.133
11/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.564
12/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.950
13/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.365
14/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.810
15/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.310
16/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.868
17/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.535
18/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	8.279

## MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hằng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (***)	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	538	1.724
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	562	1.821
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	586	1.929
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	610	2.042
5/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	634	2.207
6/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	658	2.402
7/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	682	2.618
8/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	706	2.846
9/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.104
10/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.178
11/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.620
12/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.019
13/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.448
14/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.908
15/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.424

## TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM SUN - VÌ NHÀ MÌNH

### 1. Loại trừ trong trường hợp tử vong

- Tự tử trong vòng 2 năm kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên, hoặc ngày hợp đồng bảo hiểm khôi phục hiệu lực gần nhất (nếu có). Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tăng Số tiền bảo hiểm và Người được bảo hiểm tử vong do tự tử sau thời gian nêu trên và trong vòng 2 năm kể từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm, Công ty sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong theo Số tiền bảo hiểm trước khi tăng; hoặc
- Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm. Trong trường hợp một hoặc một số Người thụ hưởng cố ý gây ra tử vong cho Người được bảo hiểm, Công ty chỉ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng khác tương ứng với phần thuộc về những Người thụ hưởng này; hoặc
- Chấp hành án tử hình; hoặc
- Sử dụng ma túy, các chất gây nghiện, các chất kích thích tương tự ma túy trái quy định của pháp luật hoặc không theo chỉ định của Bác sĩ.

### 2. Loại trừ trong trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

- Tự gây thương tích trong lúc tinh táo hay mất trí; hoặc
- Người được bảo hiểm bị chẩn đoán mắc bệnh Ung thư tuyến giáp trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc ngày hợp đồng bảo hiểm khôi phục hiệu lực gần nhất (nếu có), hoặc ngày thay đổi Số tiền bảo hiểm (áp dụng cho phần tăng thêm, trừ trường hợp Số tiền bảo hiểm tăng tự động theo quyền lợi sản phẩm) tùy ngày nào đến sau; hoặc
- Sử dụng ma túy, các chất gây nghiện, các chất kích thích tương tự ma túy trái quy định của pháp luật hoặc không theo chỉ định của Bác sĩ; hoặc
- Trực tiếp điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo quy định của Bộ y tế, hoặc
- Chiến tranh hoặc hoạt động liên quan đến chiến tranh; tham gia lực lượng vũ trang trong chiến tranh hoặc lập lại trật tự công cộng do chiến tranh; hoặc
- Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng. Trong trường hợp một hoặc một số Người thụ hưởng cố ý gây ra tình trạng Thương tật toàn bộ vĩnh viễn cho Người được bảo hiểm, Công ty chỉ trả quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng khác theo tỷ lệ tương ứng của những Người thụ hưởng này; hoặc
- Tham gia vào các hoạt động nguy hiểm như: lặn có bình dưỡng khí, nhảy bungee, nhảy dù, leo núi, đua ngựa hay đua trên các phương tiện có bánh xe; hoặc
- Tham gia các môn thể thao nguy hiểm;
- Tham gia các hoạt động hàng không, nhưng không phải là hành khách trên chuyến bay thương mại; hoặc
- Điều trị nhiễm bức xạ hoặc nhiễm phóng xạ; hoặc
- Hành vi phạm tội theo bản án kết tội có hiệu lực của Tòa án mà hành vi này gây nên Thương tật toàn bộ vĩnh viễn cho Người được bảo hiểm.

*Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định chi tiết tại Điều 1.2.1 và 1.2.2 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm SUN - Vì Nhà Mình*

## XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã được tư vấn đầy đủ, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi đã được Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN - Vi Nhà Minh và các sản phẩm bán kèm (nếu có). Tôi cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình.
2. Tôi hiểu rằng tham gia Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn. Tôi không nên duy trì Hợp đồng bảo hiểm chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản phí có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.
3. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức chuẩn và Phí bảo hiểm được đóng theo định kỳ năm. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam cung cấp Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm theo định kỳ đóng phí thực tế lựa chọn.
4. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí thực tế, số tiền rút thực tế, Phí bảo hiểm rủi ro thực tế, phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bán kèm (nếu có, trong trường hợp Tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bán kèm) và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
5. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bán kèm (nếu có, trong trường hợp Tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bán kèm) hàng tháng kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.
6. Lạm phát có thể dẫn đến việc trượt giá đối với các số liệu được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.
7. Sun Life Việt Nam có thể thay đổi mức phí của (các) sản phẩm bảo hiểm bán kèm, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng và Sun Life Việt Nam sẽ thông báo trước 3 tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
8. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và được đính kèm như là một phần của Hợp đồng bảo hiểm.

## XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tôi, **Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN - Vì Nhà Minh và các sản phẩm bán kèm (nếu có) với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của Tôi và theo sự hiểu biết của Tôi, đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

Mã số: [REDACTED]

Họ và tên: Nguyễn Văn A